

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
- 2 Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc G, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/7/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Ngọc G trình bày: Về hôn nhân giữa chị G với anh T do người lớn mai mối, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2009. Hai người có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 19, ngày 29/3/2021. Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì hai người không còn sống chung đến nay. Nguyên nhân do anh T không

lo làm ăn, thường ăn nhậu về đánh vợ con, chơi cờ bạc nên lâm nợ chị G phải trả nhiều lần, anh T không có trách nhiệm với vợ, con, sống không hạnh phúc mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị G xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị G với anh T có với nhau 02 đứa con chung tên Lê Huỳnh Thị Thu M, sinh ngày 01/11/2011 và Lê Huỳnh M, sinh ngày 01/5/2019 hiện 02 đứa con đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi con tên Thu Minh và Huỳnh Mạnh và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị G với anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G với anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của Huỳnh Thị Ngọc G về điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời trình bày của chị G. Nay anh t đã nhận sai với chị G và mong được tha thứ để hàn gắn tình cảm và nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T với chị G có với nhau hai đứa con chung tên Lê Huỳnh Thị Thu M, sinh ngày 01/11/2011 và Lê Huỳnh M, sinh ngày 01/5/2019 hiện 02 đứa con đang sống với chị G. Anh T đồng ý giao 02 con cho chị G nuôi. Anh T đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 02 đứa con.

Về tài sản chung: không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của bà Nguyễn Thị Ngọc Q là Chủ tịch hội Phụ nữ xã V cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị G với anh T thể hiện: Chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thực tế 02 người đã tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2009. Sau khi cưới 02 người sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có nợ nần ngoài xã hội dẫn đến vợ chồng phát sinh cự cãi nhau, việc cự cãi xảy ra thường xuyên dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của bà Hà Nguyễn Thị Ngọc Q, biên bản hòa giải ngày 07/12/2021 của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt,

Chị G xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung

cấp thêm chứng cứ nào khác; anh T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa chị G và anh T có phát sinh mâu thuẫn do anh T có nợ ngoài xã hội. Chị G và anh T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G với anh T có 02 con chung tên Lê Huỳnh Thị Thu M, sinh ngày 01/11/2021 và Lê Huỳnh M, sinh ngày 01/5/2019, đề nghị giao con cho chị G nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị Ngọc G khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Lê Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Văn T vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 19/3/2021. Xét, hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp.

Chị G khai, quá trình chung sống chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, thường ăn nhậu về đánh vợ con, chơi cờ bạc nên lâm nợ chị G phải trả nhiều lần, anh T không có trách nhiệm với vợ, con, vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Chị G với anh T đã không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Tình cảm của chị G đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh T thống nhất với lời trình bày của Huỳnh Thị Ngọc G về điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời trình bày của chị G. Nay anh T đã nhận sai với vợ và mong được tha thứ để hàn gắn tình cảm.

Biên bản xác minh ngày 11/02/2022 của bà Nguyễn Thị Ngọc Q là Chủ tịch hội Phụ nữ xã V cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị G với anh T thể hiện: Chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thực tế 02 người đã tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2009. Sau khi cưới 02 người sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có nợ nần ngoài xã hội dẫn đến vợ chồng phát sinh cự cãi nhau, việc cự cãi xảy ra thường xuyên dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị G với anh T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị G với anh T đã sống xa cách nhau từ năm 2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị G ly hôn đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị G với anh T, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 02 con chung tên Lê Huỳnh Thị Thu M, sinh ngày 01/11/2011 và Lê Huỳnh M, sinh ngày 01/5/2019, hiện con đang sống với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T đồng ý giao con cho chị G nuôi và anh T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho 02 cháu.

Xét, chị G với anh T thống nhất giao 02 cháu Lê Huỳnh Thị Thu M, sinh ngày 01/11/2011 và Lê Huỳnh M, sinh ngày 01/5/2019 cho chị G nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động sự thỏa thuận của chị G với anh T là phù hợp được Hội đồng xét xử công nhận. Anh T tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/cháu) cho 02 cháu đến khi con trưởng thành là phù hợp được Hội đồng xét xử công nhận. Nguyên vọng của cháu Lê Huỳnh Thị Thu M muốn được sống với chị G.

Chị G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị G được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005930 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc G.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc G được ly hôn với anh Lê Văn T;

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/, ngày 29/3/2021 do UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T không còn giá trị pháp luật.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T giao 02 cháu Lê Huỳnh Thị Thu M, sinh ngày 01/11/2011 và Lê Huỳnh M, sinh ngày 01/5/2019 cho chị Huỳnh Thị Ngọc G tiếp tục nuôi dưỡng.

- Công nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/ cháu) cho 02 cháu đến khi con trưởng thành.

Chị Huỳnh Thị Ngọc G cùng gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị Huỳnh Thị Ngọc G với anh Lê Văn T không có.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị G được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005930 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kê từ ngày tuyên án chị Huỳnh Thị Ngọc G có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Lê văn T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh